

NAME: \_\_\_\_\_

## PRACTICE: UNIT 8

CLASS: 6\_\_



### VOCABULARY

Task 1. Look at the pictures and complete the blanks with the given words.

boxing

chess

table tennis

aerobics

volleyball

cycling

football

skiing

swimming

karate

skateboarding

tennis



1. \_\_\_\_\_

2. \_\_\_\_\_

3. \_\_\_\_\_

4. \_\_\_\_\_

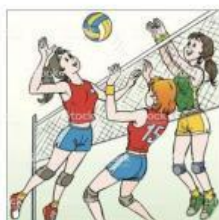


5. \_\_\_\_\_

6. \_\_\_\_\_

7. \_\_\_\_\_

8. \_\_\_\_\_



9. \_\_\_\_\_

10. \_\_\_\_\_

11. \_\_\_\_\_

12. \_\_\_\_\_



## I. Past simple (Thì quá khứ đơn)

### a. Use (cách dùng)

Dùng để diễn tả hành động đã xảy ra và kết thúc hoàn toàn trong quá khứ. (Trong câu thường có các trạng ngữ chỉ thời gian)

### b. Form

	Động từ thường	Động từ "to be"
(+)	S + <b>Ved</b>	You, we, they + <b>were</b> I, he, she, it + <b>was</b>
(-)	S + <b>didn't</b> + V <sub>o</sub>	You, we, they + <b>weren't</b> I, he, she, it + <b>wasn't</b>
(?)	<b>Did</b> + S + V <sub>o</sub> ?	<b>Were</b> + you, we, they? <b>Was</b> + I, he, she, it?

### c. How to change *infinitive* verbs into past form

Động từ ở thì quá khứ được chia làm 2 loại: theo quy tắc và bất quy tắc.

- ❖ Đối với động từ **theo quy tắc**, khi chuyển sang dạng quá khứ, ta thêm đuôi "ed".

help → helped                      want → wanted

- ❖ Nếu động từ kết thúc bằng **nguyên âm + y**, ta thêm đuôi "ed" như bình thường.

play → played                      stay → stayed

- ❖ Nếu động từ kết thúc bằng **phụ âm + y** → ta đổi y → ied.

cry → cried                      study → studied

- ❖ Đối với động từ **bất quy tắc**: tra dạng quá khứ trong Bảng động từ bất quy tắc.

**Example:** She **worked** for Thanh Long Company last year.

Now she **is working** for the BBC Company.

(Năm ngoái cô ấy làm việc cho công ty Thăng Long. Hiện nay cô ấy làm việc cho công ty BBC.)

### d. Signals (dấu hiệu nhận biết)

- yesterday (hôm qua),

- last + ....

Ex: last night (tối hôm qua), last week/ month/ year: tuần/ tháng/ năm vừa rồi

- ..... + ago

Ex: two days ago (cách đây 2 ngày), three years ago (cách đây 3 năm)

- at that moment (lúc đó),

## II. Imperatives (Câu mệnh lệnh)

**Use:** Câu mệnh lệnh dùng khi ta muốn yêu cầu ai đó làm việc gì hoặc đừng làm việc gì đó

**Form:**

(+)        **V!**  
(-)        **Don't + V!**

**Example:**

- Look at the board! (Hãy nhìn lên bảng)
- Don't play with the dog! (Đừng đùa với con chó!)

### Task 1. Give the past form of the verbs below:

No.	Present form	Past form	No.	Present form	Past form
1.	be		9.	read	
2.	play		10.	listen	
3.	go		11.	learn	
4.	do		12.	drink	
5.	bring		13.	work	
6.	see		14.	forget	
7.	find		15.	have	
8.	give		16.	know	

### Task 2. Give the correct form of the verbs in brackets.

1. I (**not be**) \_\_\_\_\_ very happy yesterday.
2. The people in the café (**not be**) \_\_\_\_\_ friendly when I was there yesterday.
3. I (**leave**) \_\_\_\_\_ my school bag at school this morning.
4. It (**be**) \_\_\_\_\_ a great film in 2001.
5. Our teacher (**tell**) \_\_\_\_\_ us to be quiet yesterday.
6. I went to the shop but I (**not have**) \_\_\_\_\_ any money.
7. Susan (**not know**) \_\_\_\_\_ about the exam and she did very badly.
8. I (**buy**) \_\_\_\_\_ a ticket for the football match yesterday.

**Task 3. Choose the best answer to complete each of the following sentences.**

1. I \_\_\_\_\_ a English course to improve all the skills.  
A. not joined      B. joined      C. did joined      D. join
2. We \_\_\_\_\_ to our friend last night.  
A. spoke      B. speak      C. speaked      D. spoken
3. We \_\_\_\_\_ and \_\_\_\_\_ lunch at the cafeteria with them.  
A. talked/have      B. talked/ had      C. talk/had      D. talked/ have
4. \_\_\_\_\_ you attend yoga class when I \_\_\_\_\_ at home?  
A. Did/ stayed      B. Didn't/ didn't stayed  
C. Did/ didn't stayed      D. Did/ stayed
5. I \_\_\_\_\_ his car to work while he was sleeping.  
A. drive      B. drove      C. driving      D. driven
6. The man \_\_\_\_\_ the door and \_\_\_\_\_ pieces of paper.  
A. open/ thrown      B. opened/ threw  
C. opened/ thrown      D. open/ throw
7. He \_\_\_\_\_ them into a room.  
A. led      B. lead      C. leaded      D. leads



8. He \_\_\_\_\_ off his hat and \_\_\_\_\_ into the room.  
 A. take/went      B. take/go      C. taken/go      D. took/ went
9. The meeting . \_\_\_\_\_ 5 minutes ago.  
 A. finished      B. finish      C. did not finish      D. did finish
10. When \_\_\_\_\_ she \_\_\_\_\_ the report?  
 A. do/ finish      B. did/ finished      C. did/finish      D. didn't/ finished

**Task 4. Match the questions and answer. Then practice.**

1. Do you like to watch sports on TV?	1+	a. Volleyball, I think.
2. What sports are you best at?	2+	b. Three or four times.
3. How much exercise do you get each week?	3+	c. Because it can help them be healthy.
4. Did you do any exercise or play any sports yesterday?	4+	d. Yes, I like watching sports more than playing them.
5. Do you prefer team sports or individual sports?	5+	e. I don't like either of them. I'm not a sporty person.
6. What is the most popular sport in the world?	6+	f. Football or soccer
7. Which is better, basketball or volleyball?	7+	g. Swimming and Taekwondo.
8. Why should people exercise?	8+	h. Yes, I played tennis with friends